

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1025/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 8 - 2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dư Tuyết Lạnh

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hoàng

2. Bà Nguyễn Kim Yến

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Khang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Lê Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 2483/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2020/QĐST-HNGĐ ngày ngày 22 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Quang M, địa chỉ: Đường B, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thường trú: Đường B, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Lê Thúy A, địa chỉ Đường B, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Quang M trình bày: Ông và bà Nguyễn Lê Thúy A chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn

số 62 ngày 30/6/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó thì giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn thường hay gây gổ, tranh cãi nhau đôi khi còn đánh nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà A có ngoại tình với người khác ông đã bỏ qua nhưng sau đó bà A vẫn tiếp tục không chung thủy, cuộc sống hôn nhân trở nên bế tắc, ông bà đã ly thân khoảng gần 06 tháng nay. Nay ông nhận thấy không còn tình cảm thương yêu nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục chung sống. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà A.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Hoàng Nhật V, sinh ngày 31/10/2016 và Phạm Hoàng Phúc K, sinh ngày 18/5/2018, ông M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ V, yêu cầu giao trẻ Phúc K cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng: Ông M cấp dưỡng nuôi trẻ K 3.000.000/tháng, không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi trẻ V; về tài sản chung và nợ chung: không có và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – bà Nguyễn Lê Thúy A trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của ông M về thời gian kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Bà thừa nhận trước đây bà có quan hệ với người khác, nhưng bà đã biết sai và ông M cũng đã tha thứ cho bà. Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông M bà đồng ý nhưng không phải bây giờ, nguyên nhân là các con còn quá nhỏ đợi con đủ 6 tuổi bà sẽ đồng ý ly hôn. Bà cũng muốn trình bày thêm là sau thời gian Tòa án cho bà về đoàn tụ cùng ông M, ông còn ra tay đánh bà bị thương, bà đã yêu cầu ra Công an làm việc, khi đó bà có yêu cầu ông M đưa tiền thuốc cho bà là 4.000.000đồng nhưng ông M chỉ bồi thường có 2.000.000đồng tiền thuốc, sau đó công an có lập biên bản và cho ông, bà về. Nay tuy tình cảm bà dành cho ông M không còn, nhưng vì các con còn nhỏ nên bà không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Hoàng Nhật V, sinh ngày 31/10/2016 và Phạm Hoàng Phúc K, sinh ngày 18/5/2018 nếu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn bà yêu cầu được nuôi cả 02 con, yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ 5.000.000đồng/ tháng cho đến khi các con tròn 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa trong đơn xin vắng mặt ông M cho rằng vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, giữ nguyên yêu cầu được nuôi trẻ V, và yêu cầu bà A nuôi trẻ K ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi trẻ K 3.000.000đồng/ tháng, không yêu cầu cấp dưỡng đối với trẻ V, tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án theo đúng quy định, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ giai đoạn thụ lý cho đến giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quy định của tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quy định của tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các quy định của pháp luật; Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Phạm Quang M.

Về con chung: Giao con chung tên Phạm Hoàng Phúc K, sinh ngày 18/5/2018 cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông M cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng.

Giao con chung tên Phạm Hoàng Nhật V, sinh ngày 31/10/2016 cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của ông M không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí sơ thẩm: Ông M và bà A chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của ông Phạm Quang M thì đây là vụ án về tranh chấp ly hôn. Hiện nay, bị đơn bà Nguyễn Lê Thúy A đang cư trú tại quận B, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thủ tục vắng mặt:

Bị đơn bà Nguyễn Lê Thúy A có bản tự khai và khi mời để kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và có biên bản hòa giải thì bà có mặt nhưng khi Tòa án tiến hành mời xét xử thì bà Thúy A vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành thủ tục giải quyết sự vắng mặt của bà Thúy A theo quy định của pháp luật.

Ông Phạm Quang M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án không có sự tham gia của ông nên căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 30/6/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, cùng lời khai của ông M, bà A về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông M và bà Thúy A là hôn nhân hợp pháp.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông M Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình kết hôn thời gian đầu cuộc sống của ông bà có hạnh phúc, sau đó thì vào đầu năm 2019 ông M phát hiện bà A có quan hệ với người đàn ông khác, và còn thường xuyên đi sớm về rất khuya có khi không về nhà, ông đã nhiều lần nói chuyện với bà A và bà A có hứa sẽ sửa chữa lỗi lầm, sau đó bà A tiếp tục đi sớm về trễ nên ông đã nộp đơn ly hôn, sau đó Tòa án có cho ông bà về đoàn tụ nhưng trong khoảng thời gian đoàn tụ bà A lại tiếp tục đi quan hệ với người đàn ông khác, ông vì quá tức giận nên có ra tay đánh bà A và có được Công an phường giải quyết, bà A đều thừa nhận những gì ông M trình bày và cũng cho rằng có quan hệ với người khác, nhưng bản thân ông M cũng không chung thủy với bà, lại còn ra tay đánh bà hiện tại bà cũng không còn tình cảm với ông M, nhưng gì các con bà không muốn ly hôn để các con lớn thêm rồi bà sẽ ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đó cũng là quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Ông M và bà Thúy A tuy là hôn nhân hợp pháp nhưng lại không còn quan tâm nhau, không còn tin tưởng ở nhau, xúc phạm nhau dẫn đến việc ông M ra tay đánh bà A, ông bà cũng đã ly thân khoảng gần 01 năm nay, cho thấy tình cảm của các bên dành cho nhau đã không còn, hiện tại ông bà cũng đã không còn sống chung với nhau bà A không đồng ý ly hôn vì muốn thêm 02 năm nữa cho con gái được 06 tuổi mới ly hôn. Từ lời trình bày này của bà A cho thấy bà cũng đã không còn tình cảm với ông M. Ông, bà cũng không tôn trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm tổn thương tình cảm của nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông M yêu cầu được ly hôn với bà Anh là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống ông M và bà Thúy A có 02 con chung là trẻ Phạm Hoàng Nhật V, sinh ngày 31/10/2016 theo giấy khai sinh số 624/TLKS-BS ngày 12/11/2016 do Ủy ban nhân dân phường H, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp; trẻ Phạm Hoàng Phúc K, sinh ngày 18/5/2018 theo giấy khai sinh số 340/TLKS-BS ngày 08/6/2018 do Ủy ban nhân dân phường H, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp và cùng lời khai của ông M, bà A trong suốt quá trình giải quyết vụ án, do đó có căn cứ xác định đây là con chung của ông M và bà Thúy A. Xét về yêu cầu nuôi con của các đương sự ông M yêu cầu được nuôi trẻ V, còn bà Thúy A yêu cầu được nuôi cả hai con. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện tại công việc của bà A là làm thuê cho người chị ở Củ Chi, lâu lâu

bà mới về nhà khi bà A vắng nhà đều giao con cho bà ngoại nuôi dưỡng, trong nhà bà A còn có người em trai có bệnh nên bà ngoại phải chăm sóc thêm em trai của bà, nếu giao bé V cho bà nuôi thì ngoại phải chăm sóc cho 03 người. Bên cạnh đó ông M chỉ sống với mẹ ruột và từ nhỏ bé V cũng đã sống với cha là ông M, ông M có cung cấp phiếu đóng tiền học cho bé cho thấy ông thường xuyên đưa rước bé đi học, và ông cũng không chăm sóc ai nên sẽ thuận tiện cho việc chăm sóc bé. Từ nhà ông M và nhà bà A cách nhau rất gần nên rất thuận tiện cho việc tới luôn thăm nom chăm sóc các con chung, từ lời trình bày của bà A cho rằng chỉ yêu cầu ghi trên giấy việc bà là người trực tiếp nuôi trẻ V còn thực tế vẫn sẽ giao cho ông M nuôi, Hội đồng xét xử đã hoãn 02 lần để mời bà A đến tại phiên Tòa để xem bà A có nguyện vọng nuôi con và đưa ra căn cứ để giành quyền nuôi con, nhưng bà A lại không đến Tòa trình bày ý kiến cũng như thể hiện thực sự quyết tâm chăm lo cho con như bà nói. Từ những phân tích trên cho thấy yêu cầu nuôi trẻ V của ông M là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng do bà A làm thuê bà cho rằng công việc của bà mỗi tháng 15.000.000đồng nhưng lại không cung cấp được chứng cứ gì, còn ông M cung cấp cho Tòa án các hợp đồng thuê nhà cho thấy ông có nguồn thu nhập ổn định, đó là điều kiện về kinh tế để chăm sóc con. Bên cạnh đó ông M cũng tự nguyện cấp dưỡng nuôi trẻ K mỗi tháng 3.000.000 đồng và không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi trẻ V.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con chung là bé Nhật V cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, còn bé Phúc K thì giao cho bà Thúy A trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của ông M là 3.000.000/tháng cho trẻ K. Thi hành kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Ông M không yêu cầu bà Thúy A cấp dưỡng nuôi trẻ V nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Thúy A cho đến khi các đương sự có yêu cầu khác.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông M, bà A đều thống nhất khai không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng và 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng ông Phạm Quang M phải chịu (theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Quang M về việc xin ly hôn với bà Nguyễn Lê Thúy A.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Quang M được ly hôn với bà Nguyễn Lê Thúy A (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 62/2016 ngày 30/6/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường H, quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh cấp hết hiệu lực).

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Hoàng Nhật V, sinh ngày 31/10/2016 và Phạm Hoàng Phúc K, sinh ngày 18/5/2018. Giao trẻ Phạm Hoàng Nhật V cho ông Phạm Quang M trực tiếp nuôi dưỡng; giao trẻ Phạm Hoàng Phúc K cho bà Nguyễn Lê Thúy A trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông M cho trẻ K mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi trẻ K tròn 18 tuổi, thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Thúy A khi ông M có yêu cầu, hoặc cho đến khi các đương sự có yêu cầu khác.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải cấp dưỡng cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng và 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng ông Phạm Quang M phải chịu, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Minh đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0017411 ngày 18/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông M còn phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Tuyết Lạnh